MỘT SỐ CHỨC NĂNG NGỮ DỤNG CỦA LỜI CHỈNH SỬA TRONG GIAO TIẾP HỘI THOẠI TIẾNG VIỆT

TRẦN THUỲ AN*

Abstract: Repairs constitute one of the most common phenomena in conversational interaction and have recently attracted increasing scholarly attention in Vietnam. Their primary function is to explain, adjust, or clarify in order to resolve problems that arise during interaction, thereby ensuring the coherence and continuity of conversation. Beyond this core function, repairs also serve a range of other pragmatic purposes. This paper examines several of these pragmatic functions in the context of Vietnamese conversational discourse.

Key words: *conversation analysis, conversational repair, pragmatic functions*

1. Đặt vấn đề

Tương tác hội thoại được tổ chức một cách hệ thống và có trật tự rất chặt chẽ. Tuy nhiên việc xuất hiện sự cố trong tương tác hội thoại là điều không thể tránh khỏi. Những sự cố phát sinh làm cản trở tính tiếp diễn của hội thoại. Trường phái phân tích hội thoại nhìn nhận lời chỉnh sửa như một cơ chế trong hội thoại nhằm xử lí các sự cố hay các lỗi liên quan đến việc nói, nghe và hiểu giữa những người tham gia. Đây là một trong những hiện tượng phổ biến trong hội thoại và thu hút được nhiều sự quan tâm nghiên cứu. Ngoài chức năng chính là giải thích, điều chỉnh, làm rõ nhằm khắc phục sự cố nảy sinh trong quá trình tương tác, lời chỉnh sửa còn thực hiện một số chức năng ngữ dụng khác. Trong phạm vi của bài viết, chúng tôi sẽ phân tích một số chức năng ngữ dụng của lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt.

2. Cơ sở lí thuyết

2.1. Khái niệm lời chỉnh sửa

Trong tiếng Việt, khái niệm lời chỉnh sửa được diễn giải bằng nhiều thuật ngữ khác nhau như *sửa chữa* [1], *điều chỉnh khúc mắc* [5], hay *nói chữa* [2]. Dù tên gọi khác nhau, các cách diễn đạt này đều hướng đến cùng một hiện tượng: việc xử lí những trục trặc trong tương tác nhằm duy trì tính mạch lạc và liên tục của hội thoại.

Khái niệm lời chỉnh sửa được giới thiệu một cách hệ thống lần đầu bởi Schegloff và cộng sự [11]. Theo các tác giả này, chỉnh sửa không chỉ là sự sửa chữa đơn thuần về mặt ngôn ngữ - như sửa lỗi phát âm hay từ vựng - mà còn bao gồm việc làm rõ, bổ sung hoặc thay đổi phát ngôn để đảm bảo sự hiểu đúng và tiếp diễn của tương tác. Nó là một cơ chế mang tính tổ chức cao, cho phép các bên tham gia cùng nhau phát hiện và khắc phục sự cố trong khi tương tác đang diễn ra từ đó bảo đảm sự thông hiểu lẫn nhau giữa các bên tham gia. Khái niệm lời chỉnh sửa hội thoại được chúng tôi hiểu như sau: Lời chỉnh sửa là một cơ chế trong hội thoại được sử dụng nhằm xử lí các sự cố hay các lỗi nảy sinh trong tương tác có liên quan đến các vấn đề nói, nghe và hiểu giữa những người tham gia hội thoại.

2.2. Cấu trúc của lời chỉnh sửa hội thoại

Cấu trúc của lời chỉnh sửa hội thoại là một khung phân tích chi tiết, giúp làm sáng tỏ cách mà các cá nhân tham gia giao tiếp phát hiện, xử lí và khắc phục sự cố phát sinh trong tương tác ngôn ngữ [11]; [13]. Việc phân tích cấu trúc lời chỉnh sửa cung cấp một cái nhìn hệ thống về những chiến lược mà người nói và người nghe vận dụng để duy trì mạch hội thoại và đảm bảo tính thông hiểu lẫn nhau. Để

* Viện Ngôn ngữ học; Email: tranthuyan86@yahoo.com.vn

hiểu rõ hơn về cách thức lời chỉnh sửa hoạt động, các nhà nghiên cứu đã phân chia cấu trúc lời chỉnh sửa thành ba bộ phận chính bao gồm: nguồn sự cố, khởi xướng chỉnh sửa và hành động chỉnh sửa [12], [15].

2.2.1. Nguồn sự cố

Tất cả các yếu tố liên quan đến việc nói, nghe, hiểu làm cản trở diễn tiến của hội thoại đều có thể được coi là nguồn sự cố cần chỉnh sửa. Trong nghiên cứu của Schegloff và cộng sự (1977), nguồn sự cố được xác định là bất kì phần nào của cuộc hội thoại mà người nói hoặc người nghe nhận thấy cần phải chỉnh sửa. Sự cố có thể là bất cứ phần lượt lời hoặc hành động không lời nào và có thể xảy ra ở bất cứ đâu trong quá trình tương tác hội thoại. Sự cố trong tương tác bao gồm những yếu tố như phát âm không rõ ràng, sử dụng sai từ, thiếu thông tin về từ khi cần thiết, không nghe rõ; người nghe gặp khó khăn trong việc hiểu hoặc hiểu không chính xác [11]. Chẳng hạn, sự cố có thể xảy ra khi một người dùng sai một từ nào đó hoặc ngần ngừ không diễn đạt được từ mình muốn nói. Sự cố cũng có thể xảy ra khi người nghe không thể nghe được người đối thoại với mình nói gì, hay không thể nhận ra được một từ ngữ cụ thể nào đó, không biết người nói đang nói về ai, về chủ đề gì…

2.2.2. Khởi xướng chỉnh sửa

Khởi xướng chỉnh sửa là giai đoạn mà người tham gia nhận ra sự cố và thực hiện một hành động để giải quyết bằng việc yêu cầu cần có sự giải thích, chỉnh sửa hoặc bắt đầu công việc chỉnh sửa. Tuỳ thuộc vào việc ai là người tiếp nhận nguồn sự cố, khởi xướng chỉnh sửa có thể được thực hiện bởi người nói hoặc bởi những người tham gia (người nghe) trong tương tác hội thoại.

2.2.3. Hành động chỉnh sửa

Hành động chỉnh sửa là bộ phận cuối cùng trong cấu trúc của lời chỉnh sửa, nơi mà nguồn sự cố được sửa chữa nhằm phục hồi sự thông hiểu giữa các bên tham gia giao tiếp. Đây là lúc thông tin được điều chỉnh, sửa chữa hoặc bổ sung để làm rõ phát ngôn ban đầu. Hành động chỉnh sửa có thể được thực hiện bởi chính người nói ra nguồn sự cố - người nói tự chỉnh sửa, hoặc bởi người nghe là người tiếp nhận sự cố và chủ động thực hiện việc sửa chữa hoặc đề xuất sửa chữa - người nghe chỉnh sửa.

2.3. Phân loại lời chỉnh sửa hội thoại

Một trong những câu hỏi quan trọng trong các nghiên cứu về lời chỉnh sửa là việc xác định ai là người tiếp nhận sự cố trong tương tác và ai là người giải quyết sự cố đó để cho tương tác được tiếp tục mà không bị gián đoạn. Trong lời chỉnh sửa có hai nhân vật chính: Một là "mình" (self), là người nói ra phát ngôn chứa nguồn sự cố cần giải thích, chỉnh sửa. Hai là "người khác" (other) là người nghe, người tham gia vào hội thoại. Cả hai bên tham gia tương tác (người nói và người nghe) đều có thể là người khởi xướng chỉnh sửa hoặc thực hiện hành động chỉnh sửa. Dựa trên tiêu chí về việc ai là người khởi xướng chỉnh sửa (người nói hay người nghe), lời chỉnh sửa hội thoại được chia thành hai loại chính là lời chỉnh sửa do người nói tự khởi xướng và lời chỉnh sửa do người nghe khởi xướng .

2.3.1. Lời chỉnh sửa do người nói tự khởi xướng

Lời chỉnh sửa do người nói tự khởi xướng là loại chỉnh sửa trong đó người nói là người tạo ra nguồn sự cố và là người khởi xướng chỉnh sửa. Dựa trên việc ai là người thực hiện hành động chỉnh sửa sau khi khởi xướng, lời chỉnh sửa do người nói tự khởi xướng có thể chia thành hai trường hợp: lời chỉnh sửa do người nói khởi xướng - người nói tự chỉnh sửa (*self initiated - self repair*) và lời chỉnh sửa do người nói khởi xướng - người khác chỉnh sửa (*self initiated - other repair*)

2.3.2. Lời chỉnh sửa do người nghe khởi xướng

Lời chỉnh sửa do người nghe khởi xướng là chỉnh sửa mà ở đó người nghe chứ không phải người nói (người tạo ra nguồn sự cố) chủ động khởi xướng chỉnh sửa. Tương tự lời chỉnh sửa do người nói tự khởi xướng, lời chỉnh sửa do người nghe khởi xướng cũng có thể xảy ra hai trường hợp: lời chỉnh

sửa do người nghe khởi xướng - người nói tự chỉnh sửa (*other initiated - self repair*) và lời chỉnh sửa do người nghe khởi xướng - người nghe chỉnh sửa (*other initiated - other repair*)

2.4. Chức năng của lời chỉnh sửa

Các nghiên cứu về lời chỉnh sửa đều thống nhất khi chỉ ra rằng lời chỉnh sửa được sử dụng để đảm bảo "sự tương tác không bị gián đoạn ở vị trí khi có sự cố phát sinh" [12, tr.xiv]. Trường phái phân tích hội thoại cho rằng, những người tham gia hội thoại đã cùng nhau đóng góp trong các lượt lời của mình để xây dựng trật tự xã hội thông qua cuộc thoại. Khi có các sự cố liên quan đến nói, nghe và hiểu, diễn tiến của hội thoại bị cản trở. Đây là môi trường thuận lợi cho chỉnh sửa xuất hiện. Các chiến lược chỉnh sửa được sử dụng để duy trì trạng thái liên chủ thể (intersubjectivity) giữa những người tham gia. Thực chất, lời chỉnh sửa trong hội thoại thực hiện chức năng điều chỉnh, giải thích, làm rõ góp phần vào việc vượt qua sự cố, tránh cho cuộc thoại bị đóng băng [12].

Trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt, một số chức năng của lời chỉnh sửa cũng đươc chỉ ra và phân tích. Chức năng của lời chỉnh sửa được tìm hiểu theo hai loại bao gồm: người nói chỉnh sửa và người nghe chỉnh sửa. Theo đó, người nói chỉnh sửa thực hiện 4 chức năng: tìm kiếm từ ngữ; thay thế từ ngữ; chỉnh sửa quy chiếu chỉ người; chỉnh sửa lựa chọn người nói kế tiếp. Người nghe chỉnh sửa thực hiện thực hiện 3 chức năng: yêu cầu làm rõ; kiểm tra xác nhận và kiểm tra toàn diện [9].

Đáng chú ý là từ cách tiếp cận ngữ dụng học, các chức năng ngữ dụng học của lời chỉnh sửa cũng đã được phân tích và làm rõ. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa và Nguyễn Thị Minh Hạnh với ngữ liệu là lời chỉnh sửa trong phim truyền hình Việt Nam (tác giả dùng thuật ngữ lời thoại điều chỉnh khúc mắc), chỉ ra hai chức năng chính của lời chỉnh sửa. Đó là chức năng biểu hiện và chức năng biểu cảm. Chức năng biểu hiện bao gồm hai chức năng nhỏ: chức năng khẳng định và chức năng thông tin. Chức năng biểu cảm bao gồm ba chức năng nhỏ: thể hiện sự ngạc nhiên, bực bội và lo lắng [5]. Các chức năng ngữ dụng này tiếp tục được Nguyễn Thị Minh Hạnh [3] phân tích và bổ sung. Cụ thể là: Chức năng biểu hiện bổ sung thêm chức năng giải thích; Chức năng biểu cảm bổ sung thêm chức năng thể hiện sự lúng túng và hoảng hốt.

Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ phân tích một số chức năng ngữ dụng của lời chỉnh sửa thông qua việc phân tích chi tiết lời chỉnh sửa trong các ví dụ minh hoạ cụ thể.

3. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Tư liệu nghiên cứu

Hội thoại nói chung và hội thoại tiếng Việt nói riêng vô cùng phong phú và đa dạng với nhiều phạm vi giao tiếp khác nhau như: giao tiếp hành chính, giao tiếp trên lớp học, giao tiếp trong hội thoại mua bán, giao tiếp trong gia đình... Trong bài viết này, chúng tôi lấy tư liệu nghiên cứu lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tự nhiên của người Việt ở các cuộc trò chuyện phi quy thức chủ yếu diễn ra ở các quán cà phê. Tư liệu sử dụng trong bài viết là mười cuộc trò chuyện tự nhiên của người Việt sinh sống trên địa bàn Hà Nội được thu thập bằng cách ghi âm và ghi hình. Mỗi cuộc trò chuyện có thời lượng trên dưới một tiếng. Các thông tin về tuổi tác, giới tính, nghề nghiệp cũng như mối quan hệ của các thành viên tham gia hội thoại cũng được chúng tôi chú ý ghi chép lại trong quá trình thu thập tư liệu.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Tư liệu ghi âm và ghi hình được giải băng thành dạng văn bản. Các yếu tố về cảnh huống và các thông tin kèm ngôn ngữ như cử chỉ, điệu bộ… được ghi lại trong văn bản giải băng và đặt trong ba dấu ngoặc đơn, ví dụ *(((cười)))*. Việc trì hoãn sự hoàn thành lượt lời (sự ngập ngừng, kéo dài từ ngữ…) được thể hiện bằng các dấu ba chấm. Văn bản giải băng được sử dụng để nhận diện lời chỉnh sửa cũng như phân tích chức năng ngữ dụng của lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt. Các đoạn thoại có

chứa lời chỉnh sửa được đánh số thứ tự từ 1 đến hết theo số các lượt lời trong đoạn thoại. Những lượt lời có chứa các bộ phận của lời chỉnh sửa được gạch chân, trong đó các yếu tố được chú ý phân tích sẽ hiển thị bằng cách in đậm. Các bước nghiên cứu được thực hiện như sau:

Bước 1: Đọc kĩ văn bản giải băng kết hợp với việc nghe và xem lại băng ghi âm và ghi hình các cuộc hội thoại để nhận diện lời chỉnh sửa.

Bước 2: Tiến hành mô tả cấu trúc lời chỉnh sửa và phân tích chức năng ngữ dụng của lời chỉnh sửa thông qua phương pháp mô tả định tính và phân tích hội thoại.

4. Một số chức năng ngữ dụng của lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt

Ở nội dung này, chúng tôi sẽ phân tích một số chức năng ngữ dụng của lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt bao gồm: *Lời chỉnh sửa thể hiện sự né tránh của người nói*; *Lời chỉnh sửa thể hiện sự trêu đùa, hài hước*; *Lời chỉnh sửa thể hiện sự bất đồng quan điểm* và *Lời chỉnh sửa thể hiện sự thay đổi thái độ của người nói*...

4.1. Lời chỉnh sửa thể hiện sự né tránh của người nói

Tìm hiểu về lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt, có thể nhận thấy, một trong những nguồn sự cố phổ biến của lời chỉnh sửa là khi người nói gặp "khó khăn" trong việc hoàn thành lượt lời. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, sự cố đó không xuất phát từ "khó khăn" của người nói mà bắt nguồn từ việc người nói né tránh thể hiện điều mà mình muốn nói. Xét ví dụ:

Ví dụ 1: [Tân và Huy nói chuyện với nhau về chứng bệnh đau đầu của Phi là vợ của Huy]

1. Tân: *Phi nó bảo đau, đau đầu là ngu người đi. Vậy mà Phi thì nó đau lâu rồi. Anh thì đang tính là từ lúc nó bắt đầu đau đến giờ không biết là...là...là...*
2. Huy: *Ngu được bao nhiêu*
3. Tân: (((cười))) *Anh đâu dám nói.* (((cười)))
4. Huy: *Ý của anh là thế đấy.*
5. Tân: *Không. Ý anh không phải thế. Mà chú hiểu thế cũng được* (((cười)))

(VNR_TTA_08_24_12_#01B)

Trong ví dụ trên đã xảy ra một lời chỉnh sửa do người nói khởi xướng - người nghe chỉnh sửa. Ở lượt lời 1, Tân trích dẫn lại lời của Phi về việc Phi thường xuyên bị đau đầu, đồng thời cô cũng cho rằng bị đau đầu nhiều thì sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến trí tuệ "*ngu người đi*". Sau khi trích dẫn lại những thông tin được Phi cung cấp, Tân đưa ra bình luận của mình "*Anh thì đang tính là từ lúc nó bắt đầu đau đến giờ không biết là...là…*". Về hình thức, ở lượt lời 1, Tân có vẻ như đang gặp sự cố (không diễn đạt được điều mà mình muốn nói) và khởi xướng chỉnh sửa bằng cách trì hoãn sự hoàn thành lượt lời thể hiện qua việc kéo dài từ ngữ. Huy thực hiện hành động chỉnh sửa bằng cách đưa ra diễn đạt đề xuất cho "vấn đề" mà Tân gặp phải. Lời chỉnh sửa hoàn thành khi có sự xác nhận giải pháp chỉnh sửa của Tân, người nói ra nguồn sự cố. Sự kéo dài và trì hoãn hoàn thành lượt lời ở đây thực chất không xuất phát từ khó khăn trong diễn đạt mà do người nói Tân không muốn nói thẳng ra suy nghĩ của mình. Bằng cách khởi xướng chỉnh sửa này, dụng ý của Tân muốn "nhường" cơ hội diễn đạt điều mà Tân nghĩ là "nhạy cảm" sang phía người nghe. Trong trường hợp này, chỉnh sửa hội thoại thể hiện sự né tránh của người nói trong việc đưa ra những vấn đề, hoặc những khái niệm "nhạy cảm".

4.2. Lời chỉnh sửa thể hiện sự trêu đùa, hài hước

Trong ví dụ tiếp theo, lời chỉnh sửa lại thực hiện một chức năng ngữ dụng khác, đó là thể hiện sự trêu đùa, hài hước.

Ví dụ 2: [Phi, Tân, Huy, Gái nói chuyện về trách nhiệm sinh con trai trong gia đình]

1. Phi: *Bọn em không trách nhiệm. Nhà chồng em có anh trai gánh vác rồi. Còn bên nhà em thì có truyền thống con gái rồi. Nhà em con một, mỗi mình em là con gái đấy thôi. Việc cái gì.*
2. Tân: *Nhà anh thì hơi căng đấy.*
3. Gái: *Thế thì sau này đi…đi…*
4. Huy: *Gửi gắm.*
5. Gái: *Đi gửi gắm. Miễn có là được có gì. Có gì đâu.*

(VNR_TTA_08_24_12_#01A)

Trong ví dụ này, đã xảy ra một lời chỉnh sửa do người nói khởi xướng - người nghe chỉnh sửa. Ở lượt lời 3, Gái là người nói ra nguồn sự cố đồng thời cũng là người khởi xướng chỉnh sửa thông qua việc trì hoãn sự hoàn thành lượt lời "*Thế thì sau này đi… đi...*". Lúc này, Huy trong vai người nghe đã thực hiện hành động chỉnh sửa (lượt lời 4) giúp Gái hoàn thành lượt lời. Giải pháp chỉnh sửa Huy đưa ra không chỉ giúp Gái khắc phục "sự cố" mà còn thể hiện sự trêu đùa, hài hước của Huy đối với vợ chồng Gái (Tân và Gái là vợ chồng). Lời chỉnh sửa kết thúc bằng lượt lời khẳng định chỉnh sửa của Gái "nói vậy mà không phải vậy" để hưởng ứng sự trêu đùa của Huy "*Đi gửi gắm. Miễn có là được có gì. Có gì đâu*". Sự khẳng định chỉnh sửa của Gái được thực hiện bằng cách nhắc lại để thừa nhận giải pháp chỉnh sửa mà Huy đưa ra "*Đi gửi gắm*" kèm theo bình luận "*Miễn có là được có gì. Có gì đâu*". Trong ngữ cảnh cụ thể này, lời chỉnh sửa thực hiện chức năng thể hiện sự trêu đùa, hài hước của những người tham gia tương tác.

Ví dụ 3: [Tiến và Hoa nói chuyện với nhau về món quà mà Tiến muốn Hoa tặng mình nhân dịp sinh nhật]

1. Tiến: *Chị Hoa. Chị tặng em cái gì?*
2. Hoa: *Thì chị đang hỏi mày thích cái gì thây?*
3. Tiến: *Em thích cái đôi giầy **Plaza***
4. Hoa: *Đôi giầy **ba ta** ấy gì. Đơn giản*
5. Tiến: ***Plaza**, không phải là bata*
6. Hoa: (((cười))). *Thôi được nhiều lắm.*

(VNR_TTA_10_16_12_#05A)

Trong ví dụ trên, lời chỉnh sửa do người nghe khởi xướng - người nghe chỉnh sửa được thực hiện với chức năng trêu đùa, hài hước. Khi được hỏi về món quà mà Tiến thích nhận được trong ngày sinh nhật, câu trả lời của Tiến là "*Thích cái đôi giầy Plaza"* (lượt lời 3). Lượt lời này của Tiến được Hoa xử lí như một nguồn sự cố cần chỉnh sửa. Vì thế, Hoa đưa ra giải pháp thay thế (thay thế "*đôi giầy Plaza*" trong lượt lời của Tiến trước đó bằng "*đôi giầy ba ta*"). Tuy nhiên giải pháp chỉnh sửa này của Hoa đã bị Tiến từ chối bằng cách nhắc lại nguồn sự cố "*Plaza*" kèm theo sự phủ định hoàn toàn giải pháp chỉnh sửa của Hoa "*không phải là bata"*. Về hình thức, phát ngôn của Hoa ở lượt lời 4 là sự điều chỉnh, làm đúng lượt lời 3 của Tiến. Tuy nhiên, thực tế ở đây, hành động chỉnh sửa của Hoa không được thực hiện với mục đích điều chỉnh, làm đúng mà thể hiện sự trêu đùa của Hoa đối với Tiến. "*Đôi giầy Plaza"* Tiến nhắc đến là một đôi giầy có giá trị trong khi *"đôi giày bata"* mà Hoa hướng đến là một đôi giầy có giá trị thấp hơn rất nhiều. Ở đây, hành động chỉnh sửa được người nghe thực hiện với mục đích trêu đùa, hài hước.

Chức năng thể hiện sự trêu đùa hài hước của lời chỉnh sửa trong ví dụ tiếp theo được thực hiện một cách tinh tế liên quan đến phạm trù toả tia của ngôn ngữ học tri nhận.

Ví dụ 4: [Tân và Huy nói chuyện với nhau về ô tô]

1. Huy: *Anh làm con Venza cũng được. Không cần Lexus đâu. Venza cũng được anh ạ.*
2. Tân: *Anh thích con khác.*
3. Huy: *Thế không phải vợ anh à?* (((cười)))
4. Tân: *Bi em đáp (BMW)*
5. Gái: *Anh thích con chân dài.*
6. Tân: (((cười)))
7. Huy: (((cười))) *Bi em đáp không phải vợ anh à*
8. Gái: (((cười)))
9. Tân: *Bi em đáp hoặc là con mẹc (Mercedes*).

(VNR_TTA_08_24_12_#01A)

Nếu một từ nào đó đa nghĩa, thì hiển nhiên có khả năng là người nói chủ định dùng từ ấy theo một nghĩa còn người nghe lại hiểu nó theo một nghĩa khác. Tuy nhiên, theo David Lee "cách nhìn nhận của Ngôn ngữ học tri nhận về toả tia có những áp dụng tinh tế hơn, vì những cách dùng khác nhau đối với một từ có thể liên quan đến những thành viên khác nhau của một phạm trù toả tia, chứ không phải là những nghĩa khác nhau theo nghĩa thông thường" (dẫn theo Nguyễn Văn Hiệp và Nguyễn Hoàng An, 2015 [4, tr.237]). Lượt lời 1, Huy đề xuất với Tân về việc Tân có thể mua một chiếc ô tô Venza (*con Venza*). Trước đề xuất của Huy, Tân cho biết anh thích ô tô khác *"Anh thích con khác"*. Từ *"con"* trong lượt lời 1 và 2 được dùng với ý nghĩa của "từ dùng để chỉ từng đơn vị một số vật, thường có đặc điểm hoạt động hoặc hình thể giống động vật" (Hoàng Phê [6, tr.265]). Lượt lời 4 của Tân khi cho biết loại xe mà anh thích trong tương quan với lượt lời 2 của anh trước đó, có thể được diễn đạt đầy đủ là "Anh thích con BMW (*Bi em đáp*)". Ngay sau lượt lời của Tân, Gái trong vai người nghe thực hiện một hành động chỉnh sửa thay thế "con BMW" bằng "con chân dài" (*Anh thích con chân dài*). Từ *"con"* trong lượt lời của Gái được dùng với ý nghĩa của "từ dùng để chỉ từng cá nhân người đàn bà, con gái với ý không coi trọng hoặc thân mật" [6, tr.265]. Trong trường hợp này người nói Tân dùng từ "con" theo một nghĩa còn người nghe Gái lại cố tình hiểu nó theo một nghĩa khác để thực hiện một mục đích tu từ thể hiện sự hài hước hưởng ứng với sự trêu chọc, bông đùa của Huy trước đó (lượt lời 3).

4.3. Lời chỉnh sửa thể hiện sự bất đồng quan điểm

Khác với những ví dụ được phân tích ở trên, trong ví dụ tiếp theo, lời chỉnh sửa lại được thực hiện với một chức năng ngữ dụng khác, đó là thể hiện sự bất đồng quan điểm.

Ví dụ 5: [Ly và Tiến nói chuyện về việc đi xem phim ở Parkson Keang Nam]

1. Tiến: *Chị Ly đi xem phim không?*
2. Ly: *Phim gì? Ở đâu?*
3. Tiến: *Phim gì cũng được. Đi xem ở Parkson Keang Nam đi. Em thấy ở đấy xem* ***hay lắm****, em xem ở đấy một lần rồi.*
4. Ly: *Hả?* ***Ở đấy cũng tạm được.***
5. Tiến: *Dạ?*
6. Ly: ***Ở đấy cũng tạm được.***

(VNR_TTA_10_16_12_#05A)

Người nói Tiến trong lượt lời 3 "*Phim gì cũng được. Đi xem ở Parkson Keang Nam đi. Em thấy ở đấy xem hay lắm, em xem ở đấy một lần rồi*" đánh giá tích cực về rạp chiếu phim ở Parkson Keang Nam. Lượt lời này của Tiến được Ly xử lí như một nguồn sự cố cần chỉnh sửa. Trong lượt lời 4, sau

khi khởi xướng chỉnh sửa "Hả", Ly thực hiện hành động chỉnh sửa bằng cách đưa ra giải pháp thay thế "*Ở đấy cũng tạm được"* hàm ý đánh giá tiêu cực. Ở đây nảy sinh mâu thuẫn trong sự đánh giá giữa Tiến và Ly. Ví dụ này cho thấy lời chỉnh sửa thực hiện chức năng ngữ dụng khó hơn, đó là thể hiện sự bất đồng quan điểm giữa những người tham gia giao tiếp.

Chức năng này của lời chỉnh sửa được thực hiện tương tựu trong ví dụ tiếp theo.

Ví dụ 6: [Tân, Gái và Phi đang nói chuyện với nhau về những bức ảnh của Tân trước khi kết hôn]

1. Tân: *Em có thấy hình gì của anh không nhể? Chắc không nhể?*
2. Gái: *Đống.*
3. Tân: *Hình ở đâu?*
4. Gái: *Album ế*
5. Phi: *Nhưng mà có ảnh chụp chung, chụp đụng với ai không?*
6. Tân: ***Không**. Có chụp chung với ai đâu.*
7. Gái: ***Có**.*
8. Tân: ***Không** chụp chung với ai.*
9. Gái: ***Có.***
10. Tân: *Với ai?*
11. Gái: *Em có biết ai đâu. Biết thì nói làm gì.*
12. Tân: *Thế à.*

(VNR_TTA_08_24_12_#01B)

Trong ví dụ trên, ở lượt lời 6, khi trả lời cho câu hỏi của Phi, Tân khẳng định những bức ảnh mà anh chụp trước khi kết hôn với Gái là những những bức ảnh anh chụp một mình (không chụp chung với ai). Lượt lời của Tân được Gái trong vai người nghe xử lí như một nguồn sự cố, vì thế Gái thực hiện một hành động chỉnh sửa bằng cách đưa ra giải pháp thay thế "*có*" (lượt lời 7). Trước lượt lời của Gái, Tân bảo lưu quan điểm của mình bằng cách nhắc lại một phần nguồn sự cố trước đó "***Không** chụp chung với ai"* (lượt lời 8). Sau khi tiếp nhận lượt lời của Tân, Gái tiếp tục bảo lưu quan điểm của mình khi khẳng định Tân có chụp ảnh chung với người khác (lượt lời 9). Sự tranh luận kết thúc khi Tân đưa ra câu hỏi chi tiết về người mà Tân chụp ảnh cùng ở lượt lời 10 "*Với ai?*". Chuỗi các lời chỉnh sửa trong trường hợp này thể hiện sự bất đồng quan điểm của những người tham gia giao tiếp.

4.4. Lời chỉnh sửa thể hiện sự thay đổi thái độ của người nói

Kết quả khảo sát các lời chỉnh sửa do cho thấy, lời chỉnh sửa có thể được thực hiện với chức năng thể hiện sự thay đổi thái độ của người nói đối với nội dung tương tác trong hội thoại. Sự thay đổi thái độ có thể từ tiêu cực sang tích cực như trong ví dụ dưới đây

Ví dụ 7: [Tân nói chuyện với Huy về một nữ đồng nghiệp cũ]

1. Tân: *Tân Hoá đợt trước có một cô bé. Nó thích anh. Thế xong đến lúc mà nó thích anh mãi không được. Đến lúc nó cưới nó giận anh, không thèm mời anh. Thế mới đau chứ. Trong báo anh mà.*
2. Huy: *Thế sau đợt đấy anh có gọi điện bảo nó, trách nó không?*
3. Tân: *Có.*
4. Huy: *Thế rồi nó bảo gì?*
5. Tân: *Cái lúc mà mình nghe tin nó là nó viết trên yahoo là nó có tin vui ấy. Thế anh bảo là tại sao trước khi có cái tin vui này cô không gọi anh đi nhậu. Thế là nó mới bảo là hôm đấy nó lu bu nhiều*

*chuyện nó quên mất. Mình bảo mẹ anh em làm cùng ban với nhau, đi ra đi vào đụng nhau hàng ngày. Mời cả mấy thằng khỉ kia, mời cả **thằng sếp** anh. À quên, mời cả **ông sếp** anh.*

6. Huy: *Mà không mời anh.*
7. Tân: *Mà không mời anh. Thế có phải là bực không?*

(VNR_TTA_08_24_12_#01A)

Tân cho biết, một nữ đồng nghiệp của anh khi tổ chức đám cưới có mời mấy người bạn cùng cơ quan "*mấy thằng khỉ"* và cả sếp của Tân nhưng không mời Tân. Nguồn sự cố trong lượt lời 5 bắt nguồn từ việc Tân nói "nhầm" đại từ chỉ người sếp của mình (*thằng sếp*). Khởi xướng chỉnh sửa được thực hiện bằng yếu tố báo hiệu chỉnh sửa "*à quên*" trước khi hành động chỉnh sửa được đưa ra. Tân dùng từ "*ông sếp*" thay thế từ "*thằng sếp*" đã nói trước đó. Đây là lời chỉnh sửa do người nói khởi xướng - người nói tự chỉnh sửa, trong đó cả ba bộ phận của lời chỉnh sửa nằm trong cùng một lượt lời. Ở đây, hành động chỉnh sửa không đơn thuần thực hiện chức năng chỉnh sửa, làm đúng mà nó liên quan đến lí thuyết đánh giá ngôn ngữ là dấu hiệu "ra hiệu" thể hiện thái độ của người nói thông qua việc điều chỉnh từ ngữ xưng hô. Chúng ta thấy rằng, với cùng một đối tượng là người sếp cũ của Tân, nhưng Tân đã sử dụng hai từ xưng hô khác nhau *"thằng sếp"* và *"ông sếp"*. Theo "Từ điển tiếng Việt", từ "thằng" thường được dùng "để chỉ những người thuộc hàng dưới hoặc ngang hàng, với ý thân mật hoặc không tôn trọng" (Hoàng Phê, 2010, [6, tr.1177]). Ngược lại từ "ông" được dùng "để chỉ hoặc gọi những người đàn ông đứng tuổi hoặc được kính trọng" [6, tr.972]. Việc thay đổi từ xưng hô ở nguồn sự cố *"thằng sếp"* sang *"ông sếp"* ở hành động chỉnh sửa thể hiện sự thay đổi thái độ của Tân đối với người đang được nhắc đến là người sếp cũ nơi Tân đã từng công. Thái độ của Tân được chuyển từ tiêu cực sang thái độ tích cực thông qua hành động chỉnh sửa.

Khác với ví dụ trên, trong ví dụ tiếp theo thái độ của người tham gia giao tiếp với nội dung được nói đến lại được chuyển từ sự đánh giá tích cực sang sự không chắc chắn tiêu cực hay tích cực thông qua hành động chỉnh sửa.

Ví dụ 8: [Tiến và Ly nói chuyện về việc Tiến được mời đi đám cưới]

1. Tiến: *Hôm đấy em về đám cưới nhà thằng Cò Hiệp.*
2. Ly: *Đám cưới thằng Cò Hiệp?*
3. Tiến: *Đám cưới chị Yến nhà thằng Cò Hiệp. Em **được** nó mời. **Không biết là bị hay được** nữa* (((cười)))
4. Ly: *Chắc là bị* (((cười))).

(VNR_TTA_10_16_12_#05A)

Trong ví dụ trên đã có một lời chỉnh sửa do người nói khởi xướng - người nói tự chỉnh sửa được nhân vật tên Tiến thực hiện trong lượt lời 3. Ở đây Tiến đã thay thế yếu tố đã nói ra trước đó "Em ***được*** nó mời" bằng một yếu tố khác "***Không biết là bị hay được** nữa*". Từ *"được"* trong tiếng Việt biểu thị ý nghĩa "tiếp nhận, hưởng cái gì đó tốt lành" [6, tr.464]. Ngược lại với *"được"*, từ *"bị"* trong tiếng Việt có ý nghĩa "biểu thị chủ thể là đối tượng chịu sự tác động của việc không hay, không có lợi ích đối với mình" [6, tr.92]. Bằng việc thực hiện hành động chỉnh sửa, Tiến đã thể hiện sự thay đổi quan điểm, thái độ của mình đối với việc Hiệp (bạn của Tiến) mời mình tham dự đám cưới của Yến (chị gái Hiệp). Tiến chuyển từ lời khẳng định mang tính tích cực (*"được")* sang sự đánh giá không chắc chắn là tiêu cực hay tích cực ("*không biết là bị hay được"*).

5. Kết luận

Lời chỉnh sửa là một hiện tượng phổ biến trong giao tiếp hội thoại. Ngoài chức năng chính là chức năng điều chỉnh, giải thích, làm rõ, lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt còn thực hiện chức năng ngữ dụng. Trong nội dung bài viết chúng tôi đã phân tích một số chức năng ngữ dụng của lời chỉnh sửa trong giao tiếp hội thoại tiếng Việt bao gồm: Lời chỉnh sửa thể hiện sự né tránh của người nói; Lời chỉnh sửa thể hiện sự trêu đùa, hài hước; Lời chỉnh sửa thể hiện sự bất đồng quan điểm; Lời chỉnh sửa thể hiện sự thay đổi thái độ của người nói… thông qua việc phân tích các ví dụ cụ thể. Với tư cách là một tổ chức tương tác quan trọng của phân tích hội thoại, những năm gần đây lời chỉnh sửa đã thu hút được khá nhiều sự quan tâm nghiên cứu ở Việt Nam. Ngoài việc tìm hiểu về cấu trúc và chức năng của lời chỉnh sửa, sự chi phối của ngôn ngữ và văn hoá cũng là một vấn đề đáng quan tâm khi nghiên cứu về chỉnh sửa hội thoại. Chúng tôi hi vọng sẽ tiếp tục tìm hiểu các khía cạnh này của lời chỉnh sửa trong các nghiên cứu trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban. *Giao tiếp diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*. NXB Giáo dục. 2009.
2. Nguyễn Thiện Giáp. *Ngôn ngữ học lí thuyết*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2020.
3. Nguyễn Thị Minh Hạnh. *Chức năng dụng học của phần tự điều chỉnh lời thoại trong phim truyền hình*. Tạp chí Khoa học số 37 (04-2019). Trường Đại học Đồng Tháp, tr.33 - 44. 2019.
4. Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Hoàng An. *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận* (sách dịch). NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2015.
5. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Minh Hạnh. *Điều chỉnh khúc mắc trong lời thoại từ phim truyền hình Việt Nam: Một cách tiếp cận ngữ dụng học*. Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống, số 11, tr.33-37. 2016.
6. Hoàng Phê. *Từ điển tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách khoa. 2010.

Tiếng Anh

7. Liddicoat, A.J. "*Repair", An introduction to conversation Analysis*. Bloomsbury Publishing. 171-212. 2011.
8. Kitzinger, C. "*Repair*" In Sidnell J. & Stivers T. (Eds.). *The handbook of conversation analysis*. Oxford: John Wiley & Sons. 229-256. 2012.
9. Nguyen Thi Minh Hanh. *Repairs in English and Vietnamese Conversations*. MA Thesis. University of Da Nang. 2010.
10. Sacks, H., Schegloff, E., & Jefferson, G. *A Simplest Systematics for the Organization of Turn Taking in Conversation*. Language. 50: 696-735. 1974.
11. Schegloff, E.A., Jefferson, G., & Sacks. *The preference for self-correction in the organization of repair in conversation*. Language. 53: 361-382. 1977.
12. Schegloff, E. A. *Sequence organization in interaction: A primer in conversation analysis* (Vol. 1). Cambridge University Press. 2007.
13. Sidnell, J. "Repair". in *Conversation Analysis: An introduction*: Oxford Wiley - Blackwell. 110 - 138. 2010.
14. Sidnell. J. Huong V.T.T. *On the division of labor in the maintenance of intersubjectivity: insights from the study of other-initiated repair in Vietnamese*. Frontiers in Sociology. 8. 2024.
15. Wong, J., & Waring, H. Z. *Conversation analysis and second language pedagogy: A guide for ESL/EFL teachers*. Routledge. 2021.